

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa phân tích

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Xuân Trường

2. Ngày tháng năm sinh: 01/11/1980; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nam Hồng, Nam Trực, Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P305, nhà C3, TT. Vĩnh Hồ, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nguyễn Xuân Trường – P418 – nhà C1 – Trường Đại học Bách Khoa, Số 1, Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 0243 3869 2206; Điện thoại di động: 0904.234.423;

E-mail: truong.nguyensexuan@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến nay: Giảng viên tại Bộ môn Hóa phân tích, Viện Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Từ năm 2012 đến năm 2014: Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Phát triển ứng dụng các hợp chất thiên nhiên, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN  
Từ năm 2019 đến nay: Trưởng Bộ môn Hóa phân tích, Viện Kỹ thuật Hóa học, Trường  
Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Viện trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Hóa phân tích, Viện Kỹ thuật Hóa học, Trường Đại  
học Bách Khoa Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Số 1, Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243 3869 2206

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn  
nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 6 năm 2002, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa  
phân tích.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia  
Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 3 năm 2005, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa  
phân tích.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia  
Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 9 năm 2011, ngành: Kỹ thuật Hóa học, chuyên ngành:  
Hóa học.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Kỹ thuật Graz, Cộng hòa Áo.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ....., chuyên ngành: .....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng .... năm ... ,ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học  
Bách Khoa Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa  
học – Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Nghiên cứu hợp chất nhạy sáng ứng dụng trong hóa  
học phân tích và cho quá trình xử lý môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài NCKH cấp Trường và 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước (đề tài Nghị định thư với Cộng hòa Áo);
- Đã công bố (số lượng) 35 bài báo KH, trong đó 05 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản ....., trong đó ..... thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

TS. Nguyễn Xuân Trường bảo vệ luận án TS tại Đại học Kỹ thuật Graz (Cộng hòa Áo) năm 2011. Từ năm 2003 đến nay, ứng viên là cán bộ giảng dạy tại Bộ môn Hóa phân tích, trường Đại học Bách khoa Hà Nội (trong đó có 03 năm, 2008-2011, học tập và nghiên cứu tại Đại học Kỹ thuật Graz, Cộng hòa Áo).

TS. Nguyễn Xuân Trường là một giảng viên nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan trong đào tạo và NCKH.

Về công tác Đào tạo Đại học và Sau Đại học: TS. Nguyễn Xuân Trường được Bộ môn Hóa phân tích, Viện Kỹ thuật Hóa học, Đại học Bách Khoa Hà Nội phân công phụ trách các học phần đào tạo đại học như: Hóa phân tích, TN Hóa phân tích, Các phương pháp phân tích công cụ, Thực hành phân tích công cụ, Các phương pháp phân tích quang phổ. TS. Nguyễn Xuân Trường cũng tham gia một số học phần đào tạo sau đại học như: Các phương pháp quang học, Các phương pháp tách trong phân tích, Phục chất trong hóa phân tích. Ứng viên tham gia tích cực công tác hướng dẫn sinh viên thực tập tại các cơ sở chuyên ngành như Trung tâm Xét nghiệm - Đại học Y tế Công cộng, Phòng R&D – Công ty CP Lucky House Việt Nam, hướng dẫn sinh viên làm đồ án nghiên cứu, đồ án tốt nghiệp, luận văn ThS và luận án TS. Trong những năm vừa qua, ứng viên đã hoàn thành tốt các công việc được giao liên quan đến công tác đào tạo, có ba năm đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua. Ứng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công 07 ThS, hiện đang tiếp tục hướng dẫn 01 NCS và 02 ThS ngành Hóa học. Bên cạnh đó, TS. Nguyễn Xuân Trường tham gia phát triển chương trình đào tạo với vai trò là Ủy viên Hội đồng phát triển chương trình đào tạo 2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN ngành Hóa học – Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội; tham gia biên soạn đề cương và tài liệu phục vụ công tác giảng dạy môn Kỹ thuật xử lý mẫu trong Hóa phân tích và Các phương pháp phân tích quang phổ nâng cao.

Về công tác NCKH: cho đến nay ứng viên đã công bố 35 công trình KH, trong đó 03 công trình trên các tạp chí ISI có uy tín (SCI và SCIE, tạp chí Q1), 03 công trình trên các tạp chí quốc tế có uy tín, một bài báo tại hội thảo và nhiều báo cáo tại các hội thảo khoa học quốc tế; 28 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước. TS. Nguyễn Xuân Trường đã tham gia thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp khác; tích cực hướng dẫn sinh viên NCKH, nhiều năm liên tiếp ứng viên có các sinh viên tham gia báo cáo tại các hội nghị SV NCKH trường ĐHBKHN và có các sinh viên đạt giải. Bên cạnh đó, ứng viên cũng tham gia tích cực vào nghiên cứu và chuyển giao công nghệ tại các cơ sở chuyên ngành. Năm 2018-2019, ứng viên đã hỗ trợ xây dựng quy trình và thử nghiệm thành thạo phương pháp AAS xác định asen và thủy ngân trong nước cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2019-2020, ứng viên đã hỗ trợ xây dựng và thử nghiệm thành thạo các tiêu chuẩn quan trắc và phân tích mẫu nước cho Phòng thử nghiệm vật liệu tính năng kỹ thuật cao - Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomín.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (\*):

- Tổng số 13 năm 6 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	0	0	0	561	0	561/408/224
2	2015-2016	1	0	1	2	266	118	384/379,5/270
3	2016-2017	1	0	2	0	650,5	60	710,5/527,5/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018	1	0	1	2	734	48	782/593,8/270
5	2018-2019	1	0	0	2	708,8	36	744,8/638,1/270
6	2019-2020	0	0	2	1	636	0	636/501,8/216

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; tại nước: CH Áo năm 2011.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): chương trình tiên tiến Kỹ thuật Y sinh, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh		x		x	12/2011 ÷ 01/2013	Đại học Bách Khoa Hà Nội	31/05/2013
2	Đỗ Phương Thảo		x	x		11/2012 ÷ 01/2014	Đại học Bách Khoa Hà Nội	28/03/2014
3	Nguyễn Thị Minh Diệp		x	x		12/2013 ÷ 03/2015	Đại học Bách Khoa Hà Nội	03/06/2015
4	Hoàng Thị Thuận		x	x		01/2015 ÷ 03/2016	Đại học Bách Khoa Hà Nội	25/05/2016
5	Phạm Thị Thủy		x		x	05/2016 ÷ 12/2016	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN	20/03/2017
6	Nguyễn Thị Thu Hà		x	x		05/2014 ÷ 02/2017	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN	10/04/2017
7	Phạm Thị Yến		x	x		11/2017 ÷ 12/2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN	03/05/2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: .....

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nội dung chi tiết, ISBN (nếu có).

- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>GIAI ĐOẠN TRƯỚC KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ</b>					
1	Sử dụng chemometrics để tính toán cân bằng trong hóa học phân tích (ĐT)	CN	T2004-47, cấp Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	3/2004 ÷ 12/2004	Xếp loại: Tốt
2	Xác định đồng thời Fe và Cu trong thức ăn bằng phương pháp trắc quang kết hợp phương pháp bình phương tối thiểu riêng phần (ĐT)	CN	T2008-27, cấp Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	3/2008 ÷ 12/2008	Xếp loại: Tốt
<b>GIAI ĐOẠN SAU KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ</b>					
3	Nghiên cứu chế tạo đầu dò huỳnh quang phát hiện một số phân tử sinh học dùng cho nghiên cứu y sinh (ĐT Nghị định thư với Cộng hòa Áo)	CN	13/2014/HĐ-NĐT, cấp Nhà nước	06/2014 ÷ 08/2017	Ngày 23/12/2019 Xếp loại: Đạt mức B

**Lưu ý:**

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
<b>GIAI ĐOẠN TRƯỚC KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ</b>								
1	Lập trình để tính toán thành phần các hệ đệm pH dùng cho mục đích phân tích	02	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Tập 10, Số 2, 52-56	2005
2	Influence of magnetic field on properties of electrodeposited FeCo FeCo layer	03		Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol. 47 (5), 591 - 595	2009
<b>GIAI ĐOẠN SAU KHI BẢO VỆ HỌC VỊ TIẾN SĨ</b>								
<b>Các bài báo quốc tế</b>								
3	Kinetics of Photoinduced Electron Transfer between DNA bases and Triplet 3,3',4,4'-Benzophenone Tetracarboxylic Acid in Aqueous Solution of Different pH's: Proton-Coupled Electron Transfer?	06	×	Journal of Physical Chemistry A	Tạp chí ISI (SCIE, IF=2.641) Tạp chí Q1	8	Vol. 116, No. 44, 10668-10675	2012

4	Kinetics of Oxidation of Thymine and Thymidine by Triplet 2,2'-Dipyridyl in Aqueous Solutions at Different pH Values	04	×	Journal of Physical Chemistry A	Tạp chí ISI (SCIE, IF=2.641) Tạp chí Q1	3	Vol.11 7, No.33, 7655- 7660	2013
5	Kinetics of photoinduced electron transfer reactions of ruthenium(II) complexes and phenols, tyrosine, N-acetyl-tyrosine and tryptophan in aqueous solutions measured with modulated fluorescence spectroscopy	03	×	Journal of Photochemistry and Photobiology B: Biology	Tạp chí ISI (SCIE, IF=4.067) Tạp chí Q1	6	Vol. 166, 28-34	2017
6	Preparation of mesoporous Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ·SiO <sub>2</sub> composite from rice husk as an efficient heterogeneous Fenton-like catalyst for degradation of organic dyes	03		Journal of Water Process Engineering	Tạp chí ISI (SCIE, IF=3.173) Tạp chí Q1	11	Vol. 28, 169- 180	2019
7	Synthesis of Nano-Flakes Ag•ZnO•Activated Carbon Composite from Rice Husk as A Photocatalyst under Solar Light	12		Bulletin of Chemical Reaction Engineering & Catalysis	Tạp chí Q3		Vol. 15, No.1, 264- 279	2020
8	Metal Complexes of $\pi$ -Expanded Ligand (7): Syntheses, Structures and Properties of Pt(II) Complexes Containing the Isomeric 1- and 2-Alkyliminomethyl Pyrene Ligands	02		Crystals	Tạp chí ISI (SCIE, IF=2.061) Tạp chí Q2		Vol. 10, No.6, 476- 490	2020
<b>Các bài báo trong nước</b>								



9	Chiết pha rắn, phân tích Cr(III), Cr(VI) trong mẫu nước cấp và nước thải bằng phương pháp F-AAS	03		Tạp chí Khoa học & Công nghệ các trường đại học kỹ thuật			Vol 92, 157-161	2013
10	Nghiên cứu và đánh giá thống kê qui trình xác định vi lượng Cr(III), Cr(VI) trong mẫu môi trường bằng F-AAS	03		Tạp chí Khoa học & Công nghệ các trường đại học kỹ thuật			Vol 97, 133-137	2013
11	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu xúc tác Al/Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> /TiO <sub>2</sub> -Ag quang hóa khả kiến ứng dụng để xử lý nước ô nhiễm	04	×	Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol 51 (3), 380	2014
12	Nghiên cứu ứng dụng phân hủy chất màu công nghiệp trong thực phẩm bằng vật liệu xúc tác quang hóa khả kiến Zn/ZnO/TiO <sub>2</sub> -Ag	04	×	Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol 53 (3), 289-294	2015
13	Tổng hợp phức chất Ruthenium(II) polypyridyl ứng dụng làm đầu dò huỳnh quang phát hiện một số phân tử sinh học	03	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Vol 21 (2), 112-119	2016
14	Ảnh hưởng của lực ion và một số ion lạ đến động học phản ứng quang oxi hóa - khử giữa phức Rutheni(II) polypiridin và axit amin tyrosin	04	×	Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol 55 (1), 130 - 134	2017
15	Xác định hàm lượng Levofloxacin trong dược phẩm và nước tiểu người bằng phương	05	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam			Vol 22 (2), 105-111	2017

	pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao			Journal of Analytical Sciences)				
16	Nghiên cứu phương pháp động học huỳnh quang xác định đồng thời tyrosin và tryptophan dựa trên phản ứng với phức Rutheni(II) polypiridin	03	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Vol 22 (3), 106-111	2017
17	Nghiên cứu xác định hàm lượng As(III) trong mẫu nước ngầm bằng phương pháp CE-C4D sử dụng kỹ thuật làm giàu dựa trên sự khác biệt về pH giữa 2 vùng mẫu	07		Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Vol 22 (3), 40-46	2017
18	Ảnh hưởng của lực ion và một số ion lạ đến động học phản ứng quang oxi tryptophan, tyrosine bởi phức Rutheni bipyridin-glycoluril	03	×	Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol 55 (2E), 30-34	2017
19	Nghiên cứu xác định Moxifloxacin trong dược phẩm và huyết tương bằng phương pháp quang phổ huỳnh quang	04	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Vol 23 (3), 174-180	2018
20	Synthesis of green MOF-based photocatalyst for degradation of organic dyes under sunlight irradiation	06	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Vol 23 (4), 369-375	2018
21	Ứng dụng phương pháp ICP-MS nhằm bước đầu	07		Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và			Vol 23 (5),	2018

	đánh giá mức độ ô nhiễm một số kim loại nặng trong thực phẩm gần khu khai thác mỏ ở Thái Nguyên			Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			112-117	
22	Syntheses and Structures of Ni(II) Complexes Containing 2 alkyliminomethyl Pyrene Ligands	05		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU Journal of Science)		2	Vol 34 (4), 16-20	2018
23	Nghiên cứu sử dụng EuBPDC (MOFs) làm cảm biến hóa học so màu để xác định Fe(II) trong nước	04	×	Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol 56 (6E2), 81-84	2018
24	An HPLC-UV method for determination of Moxifloxacin in pharmaceutical formulations	04	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Vol 24 (2), 222-226	2019
25	High performance liquid chromatography assay for determination of Moxifloxacin in human plasma	04	×	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Vietnam Journal of Science and Technology)			Vol 57 (3), 336-343	2019
26	Application of the MOFs MnBPDC-based colorimetric chemosensor for identification of Fe(II) in water	04	×	Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol 57 (2E12), 328-332	2019
27	Metal Complexes of $\pi$ -Expanded Ligands (3): Synthesis and characterizations of tris[2-	06		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU		1	Vol 53 (2), 98-105	2019

	[(octylimino)methyl]-1-pyrenolato-N,O] cobalt(III)			Journal of Science)				
28	Removal of Ferric Iron from Aqueous Solution by Adsorption onto MOF-FeBDC-EDTA	05	×	Tạp chí Xúc tác-Hấp phụ Việt Nam (Vietnam Journal of Catalysis and Adsorption)			Vol 8, (2), 12-16	2019
29	Study on the textile wastewater treatment process by the coagulation combined MOF-composite photocatalyst method utilizing sunlight	06	×	Tạp chí Xúc tác-Hấp phụ Việt Nam (Vietnam Journal of Catalysis and Adsorption)			Vol 8, (3), 118-122	2019
30	Tối ưu hóa quá trình thủy phân nhựa phế thải PET bằng phương pháp đáp ứng bề mặt và mô hình Box Behnken	05		Tạp chí Hóa học và Ứng dụng			Vol 46, (2), 42-45	2019
31	Nghiên cứu sử dụng phức phát quang Eu(III)-OTC để xác định ATP	06	×	Tạp chí Phân tích Hóa-Lý và Sinh học (Vietnam Journal of Analytical Sciences)			Vol 25, (1), 20-24	2020
32	Chemical compositions and bioefficacy against Spodoptera litura of essential oil and ethyl acetate fraction from Myoporum bontioides leaves	09		Tạp chí Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)			Vol 58, (1), 57-62	2020
33	Preparation of zero valent iron nanomaterial via microfluidic device	09		Tạp chí Xúc tác-Hấp phụ Việt Nam (Vietnam Journal of			Vol 9, (1), 120-125	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	for Cr (VI) ion treatment			Catalysis and Adsorption)				
34	Metal Complexes of $\pi$ -Expanded Ligands (4): Synthesis and characterizations of Copper(II) complexes with a Schiff base ligand derived from pyrene	04		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU Journal of Science)			Vol 36, (2), 62-76	2020
<b>Các báo cáo hội thảo, hội nghị</b>								
35	The Electrochemical Approach towards Proton Coupled Electron Transfer Pathways for Oxidation of Thymine in Water	04		ECS Transactions	Proceedings Q2		Vol. 53, No.16, 17-25	2013

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 03 bài báo.

**Lưu ý:** Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

### 7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

### 7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: .....

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ....

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

*Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN*  
Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*(\*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**TS. Nguyễn Xuân Trường**